TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/DSST
Ngày: 15-9-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thanh Hải
2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Thông báo số 414/TB.TA ngày 31 tháng 8 năm 2023 về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án dân sự giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Võ Văn H – Chủ hộ kinh doanh H1
Địa chỉ: khóm B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: ông Huỳnh Tuấn D, sinh năm 1991; Địa chỉ: số 153-154 Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Tân Hưng, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1989
Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt mà không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:
Ông Võ Văn T nhiều lần mua thức ăn thủy sản của Hộ kinh doanh H2 do ông Võ Văn H làm chủ hộ. Khi mua bán, hai bên có thỏa thuận khi bán cá phải trả số tiền

nợ, nếu không trả đúng thì phải phụ lãi 1%/tháng. Đến ngày 24/7/2019, ông T còn nợ hộ kinh doanh Hoàng Q số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Ông T có hứa trong thời hạn 03 tháng sẽ trả. Khi đến thời hạn, ông H đã đòi nhiều lần nhưng ông T cứ hứa hẹn nhiều lần mà không trả. Do công việc buôn bán bận rộn và số tiền thiếu không nhiều, ông T hứa trả nên ông H không khởi kiện. Hiện nay, Công ty C phải trả nợ cho Công ty nên ông H khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền gốc 200.000.000đ và lãi theo mức lãi suất 1%/tháng. Do thấy việc chăn nuôi của ông T cũng khó khăn ông H chỉ yêu cầu tính lãi trong thời gian 31 tháng, lãi suất 1%/tháng với số tiền lãi là 62.000.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 262.000.000đ.

Bị đơn ông Võ Văn T: Ông T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ông T trả số tiền nợ gốc là 200.000.000đ và yêu cầu tính lãi trong thời gian 31 tháng; về tiền lãi, nguyên đơn có thay đổi về mức lãi suất yêu cầu ông T phải trả, hiện nay chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Võ Văn H khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn T, cư trú tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An phải thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

[2] Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Ông Võ Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đã đủ điều kiện xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa: Tại phiên tòa, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi, tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1%/tháng trong thời gian 31 tháng. Hiện nay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định là 0,83%/tháng do khi lập biên nhận nợ không ghi cụ thể lãi chậm trả mà chỉ thỏa

thuận bằng lời nói với nhau. Do đó, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về số nợ gốc:

Nguyên đơn Võ Văn H, là chủ hộ kinh doanh Hoàng Quyên 1 khởi kiện bị đơn Võ Văn T, yêu cầu ông T thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng mua bán. Nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc ông T mua thức ăn thủy sản phục vụ nuôi cá. Sau khi đối chiếu số nợ thì ông T có làm "Giấy xác nhận nợ" số tiền là 200.000.000đ. Như vậy, theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp có thể hiện ông T có mua thiếu số nợ là 200.000.000đ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Ông T có đến Tòa án gặp đại diện nguyên đơn để đề xuất gặp trực tiếp chủ hộ kinh doanh tại cơ sở kinh doanh của Hoàng Q để thương lượng xin trả dần. Sau đó, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T đã vắng mặt và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự "2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc 200.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Về tiền lãi:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày khi mua bán hai bên có thỏa thuận khi bán cá sẽ trả nợ. Tuy nhiên, khi bán cá bị đơn không trả được nợ với lý do nuôi cá lỗ, hứa hẹn trả trong vụ sau nhưng cũng không thực hiện. Khi lập "Giấy xác nhận nợ" có thỏa thuận bằng lời nói thời hạn 03 tháng trả. Hai bên cũng có thỏa thuận nếu chậm trả sẽ tính lãi 1%/tháng.

Xét thấy giao dịch mua bán giữa hai bên và phát sinh công nợ thể hiện tại "Giấy xác nhận nợ" là nợ mua bán tính từ ngày 01/8/2018 đến ngày 24/7/2019. Do đó, căn cứ quy định Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Tại Điều 440 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền như sau:

"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.

Trong vụ án này, nguyên đơn trình bày hai bên có thỏa thuận thời gian trả là sau khi bán cá, sau khi lập "Giấy xác nhận nợ". Tuy nhiên, việc thỏa thuận thời gian trả và mức lãi suất không ghi rõ trong biên nhận nợ. Tại Điều 440 quy định: "Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản". "Giấy xác nhận nợ" ngày 24/7/2019 đã thể hiện thời gian mua bán từ ngày 01/8/2018 đến ngày 24/7/2019. Hiện nay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2020 theo mức lãi suất pháp luật quy định 0,83%/tháng theo quy định pháp luật, yêu cầu này phù hợp quy định của pháp luật, có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận.

Về thời gian tính lãi, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi trong thời gian 31 tháng từ ngày 01/01/2020 đến ngày làm đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giảm bớt thời gian tính lãi chậm trả cho bị đơn do thấy điều kiện kinh tế, chăn nuôi của bị đơn gặp khó khăn. Đồng thời, nguyên đơn cũng không yêu cầu tính lãi từ khi khởi kiện đến khi xét xử là có lợi cho bị đơn. Như vậy, yêu cầu về thời gian tính lãi của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Cụ thể tiền lãi như sau: 200.000.000đ x 31 tháng ngày x 0,83%/tháng, tiền lãi là 51.460.000đ.

[4.3] Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi mà bị đơn Võ Văn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là: 251.460.000đ (Hai trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 430, 434, 440 Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H – Chủ hộ kinh doanh Hoàng Quyên 1: Buộc ông Võ Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn H – Chủ hộ kinh doanh Hoàng Quyên 1 số tiền nợ gốc là 200.000.000đ và tiền lãi là 51.460.000đ. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi phải trả là: 251.460.000đ (Hai trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

3.1. Ông Võ Văn H – Chủ hộ kinh doanh H1 không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.550.000đ (Sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004453, ngày 12/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

3.2. Ông Võ Văn T phải chịu 12.573.000đ (Mười hai triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng) án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh